



BẢN TIN PHÁP LÝ, LAO ĐỘNG VÀ THUẾ

Tháng 02/2019

BẢN TIN GỒM NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH SAU

VĂN BẢN PHÁP QUY MỚI BAN HÀNH

22/01/2019 | Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ

01/02/2019 | Nghị định 14/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

03/1/2019 | Công văn số 79/TCHQ-TXNK làm rõ về việc chính sách thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để SXK nhưng giao cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn

03/01/2019 | Công văn số 37/TCT-CS hướng dẫn về việc hoàn thuế GTGT đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu và hoàn thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu

03/01/2019 | Công văn số 39/TCT-CS làm rõ chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động sơ chế thủy sản

28/01/2019 | Công văn số 310/TCT-DNL về việc trả lời kiến nghị của các công ty chứng khoán về áp dụng Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 về khống chế chi phí lãi vay

A. VĂN BẢN PHÁP QUY MỚI BAN HÀNH

❖ CHÍNH PHỦ

22/01/2019 | Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ.

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về công tác kiểm toán nội bộ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp.

Các trường hợp doanh nghiệp bắt buộc phải kiểm toán nội bộ

- Công ty niêm yết.
- Doanh nghiệp mà nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
- Doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Ngoài ra, các doanh nghiệp khác được khuyến khích thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.

Doanh nghiệp có thể đi thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ.

Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định 05/2019 có hiệu lực, các đơn vị thuộc đối tượng phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ phải hoàn thành các công việc cần thiết để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Nghị định này.

(Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2019)

01/02/2019 | Nghị định 14/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Một số nội dung cơ bản như sau:

1. Bổ sung vào đối tượng không chịu thuế TTĐB đối với tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ.

“3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.

Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

2. Bổ sung quy định chi tiết về điều kiện khấu trừ thuế TTĐB.

- Người nộp thuế TTĐB đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu, trong đó, bao gồm cả số thuế TTĐB đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước.

- Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế TTĐB bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế TTĐB tính được ở khâu bán ra trong nước. Phần chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế TTĐB bán ra trong nước, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với riêng mặt hàng xăng sinh học, Nghị định số 14/2019/NĐ-CP quy định người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng các nguyên liệu chịu thuế TTĐB được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế TTĐB đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế TTĐB phải nộp. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB bán ra.

3. Bổ sung quy định về Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế TTĐB đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

* Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là chứng từ nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu.

* Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng).

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng. Số thuế tiêu thụ đặc biệt mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

4. Ban hành các Mẫu Tờ khai thuế TTĐB; mẫu Bảng xác định số thuế TTĐB được khấu trừ; mẫu Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN.

(Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 03 năm 2019)

B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

+ TỔNG CỤC HẢI QUAN

03/1/2019 | Công văn số 79/TCHQ-TXNK về việc chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để SXKK

TCHQ hướng dẫn từ ngày 01/9/2016 (theo Nghị định 134/2016/NĐ-CP) thì khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để **sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng hóa xuất khẩu** mà giao một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất khẩu sản phẩm; hoặc **thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công hoặc sản xuất một hoặc một số công đoạn và nhận lại sản phẩm để tiếp tục sản xuất và/hoặc xuất khẩu sản phẩm** thì **không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế (*)** nên phần hàng hóa nhập khẩu đã đưa cho doanh nghiệp khác sản xuất hoặc gia công không thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu (trong trường hợp đã nộp thuế nhập khẩu tại khâu nhập khẩu thì khi xuất khẩu cũng không được hoàn thuế nhập khẩu).

() Do không đáp ứng điều kiện có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.*

Vì vậy, Các công ty có thực hiện hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu cần lưu ý để **thực hiện kê khai thay đổi mục đích sử dụng** và kê khai bổ sung đối với phần hàng hóa tương ứng giao gia công/ sản xuất để hạn chế rủi ro về thuế nhập khẩu.

+ TỔNG CỤC THUẾ

03/1/2019 | Công văn số 37/TCT-CS về việc hoàn thuế GTGT

Công văn này TCT đã dẫn lại các công văn hướng dẫn về việc hoàn thuế GTGT đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu (được hướng dẫn bởi công văn số 12247/BTC-CST ngày 05/10/2018) và hoàn thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu (được bởi công văn số 5537/BTC-CST ngày 14/5/2018). Theo đó chính sách hoàn thuế GTGT như sau:

1. Đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu:

- ✓ Nếu hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng ký kết với bên nước ngoài đã nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu thì số thuế GTGT đã nộp được xác định là số thuế nộp thừa và cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế theo hướng dẫn tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.
- ✓ Nếu hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu không theo hợp đồng gia công ký kết với bên nước ngoài thì khi nhập khẩu doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế GTGT theo quy định. Khi xuất

khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

Cơ quan hải quan, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ thực tế của doanh nghiệp để thực hiện hoàn thuế theo quy định.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu

✓ Từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/02/2018:

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP: ***“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và các văn bản hướng dẫn.”***

Như vậy trong giai đoạn này, cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

✓ Từ ngày 01/02/2018:

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP: ***“Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo, trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế”***

Do đó từ ngày 1/2/2018, cơ sở kinh doanh được hoàn thuế theo quy định nêu trên.

03/1/2019 | Công văn số 39/TCT-CS về chính sách thuế TNDN

Bằng Công văn này, Bộ Tài chính đã làm rõ nội dung **hoạt động sơ chế thủy sản** (xác định theo hướng dẫn và quy định của thuế GTGT) không được xác định là hoạt động chế biến thủy sản do đó không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

“Về nguyên tắc thu nhập của Hợp tác xã từ hoạt động nuôi trồng thủy sản được miễn thuế TNDN và thu nhập của Hợp tác xã từ hoạt động chế biến thủy sản nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định thì được miễn thuế TNDN; trường hợp sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường (xác định theo quy định tại pháp luật thuế GTGT) thì thu nhập từ hoạt động này không được ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản.”

28/1/2019 | Công văn số 310/TCT-DNL về việc trả lời kiến nghị của các công ty chứng khoán về áp dụng Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20

Tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 quy định về chi phí lãi vay của người nộp thuế (NNT) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

“3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

Quy định này không áp dụng đối với người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.”

Theo quy định về khống chế chi phí lãi vay đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết thì đối tượng không áp dụng là doanh nghiệp hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm. Đồng thời, tổng chi phí lãi vay của NNT được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN được tính trên tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ giao dịch vay với bên liên kết hay bên độc lập.

Tổng cục Thuế đang trong quá trình tiếp nhận, tổng hợp vướng mắc, kiến nghị của NNT liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 20 nói chung và quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 nói riêng để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện. Trong thời gian báo cáo, TCT đề nghị các đơn vị thực hiện xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo đúng quy định hiện hành.

Thông tin liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Trụ sở chính Công ty

Ông Nguyễn Ngọc Thành
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tư vấn và Đào tạo
Email: thanh.nn@a-c.com.vn
Mobile: +84 9 0366 0686
Tel: +84 28 3547 2972 - Ext: 203

Chi nhánh Hà Nội

Ông Nguyễn Hoàng Đức
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Email: duc.nh@a-c.com.vn
Mobile: +84 9 1359 2929
Tel: +84 24 3736 7879 - Ext: 456

Chi nhánh Nha Trang

Ông Nguyễn Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc chi nhánh Nha Trang
Email: kien.nv@a-c.com.vn
Mobile: +84 94 508 7979
Tel: +84 258 387 6555 - Ext: 102

Chi nhánh Cần Thơ

Ông Nguyễn Hữu Danh
Giám đốc chi nhánh Cần Thơ
Email: danh.nh@a-c.com.vn
Mobile: +84 91 815 0488
Tel: +84 292 376 4995 - Ext: 106



Giới thiệu về Baker Tilly International

A&C là Thành viên của Tổ chức kế toán, kiểm toán và tư vấn kinh doanh quốc tế BAKER TILLY INTERNATIONAL

BAKER TILLY INTERNATIONAL là Tổ chức quốc tế về kế toán, kiểm toán và tư vấn kinh doanh chuyên nghiệp được thành lập năm 1987, trụ sở chính tại Global Office, Juxon House, 100 St Paul's Churchyard, London, EC4M 8BU, Vương Quốc Anh. Với hệ thống gồm 165 Công ty thành viên tại hơn 141 quốc gia, BAKER TILLY INTERNATIONAL có thể tập hợp đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm (từ hơn 2.729 chủ phần hùn và 28.000 nhân viên tại 745 văn phòng) trong hầu hết mọi lĩnh vực kinh doanh ở hầu hết các thị trường trên thế giới để đáp ứng yêu cầu về dịch vụ của khách hàng.

BAKER TILLY INTERNATIONAL luôn nằm trong vị trí top 10 các tổ chức kế toán, kiểm toán và tư vấn kinh doanh quốc tế với doanh thu hàng năm hơn 3,8 tỉ Dollar Mỹ (xếp hạng 8 hàng năm trong nhóm các tập đoàn kế toán, kiểm toán và tư vấn kinh doanh hàng đầu thế giới).

BAKER TILLY INTERNATIONAL có qui mô hoạt động rộng và có thể cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng ở qui mô lớn và trên nhiều quốc gia. Thông qua mục tiêu "**Chăm sóc khách hàng toàn cầu**", Công ty thành viên của BAKER TILLY INTERNATIONAL luôn cố gắng đảm bảo cung cấp dịch vụ chuyên môn chất lượng cao với cung cách phục vụ chuyên nghiệp.

Giới thiệu

Công ty kiểm toán và tư vấn A&C

A&C chuyên cung cấp các dịch vụ về kế toán, kiểm toán và tư vấn trong các lĩnh vực kế toán - tài chính - đầu tư - quản trị - xây dựng cơ bản, bao gồm:

❖ Kiểm toán

- Báo cáo tài chính.
- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư.
- Báo cáo xác định giá trị dự toán và quyết toán công trình đầu tư xây dựng cơ bản.
- Báo cáo kinh phí dự án.

❖ Dịch vụ kế toán.

❖ Giám định tài chính.

❖ Thẩm định giá trị tài sản.

❖ Hoạt động tư vấn trong các lĩnh vực Luật, Đầu tư pháp lý, Cổ phần hóa, Thuế, Tài chính doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp, Chuyển giá

❖ Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán, kế toán, tài chính, thuế và các chương trình có liên quan trong lĩnh vực kinh tế thị trường.



Bản tin này là thông tin chung chỉ cho mục đích nội bộ nên không được cung cấp cho bất kỳ trường hợp cụ thể của tổ chức hay cá nhân nào. Mặc dù chúng tôi cố gắng cung cấp thông tin chính xác và cập nhật nhanh nhất một cách có thể. Tuy nhiên chúng tôi không thể đảm bảo rằng những thông tin này còn chính xác lúc đến tay người đọc hiện tại hay trong tương lai. Bất cứ ai khi dựa trên thông tin ở đây để áp dụng vào một trường hợp cụ thể nào đó cần có được sự tư vấn từ các chuyên viên.
